

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA KHOI 11
NGÀY : 18 – 11 - 2024

UNIT 2

DO AS DIRECTED IN BRACKETS

WRITE THE WORD WHOSE UNDERLINED PART DIFFERS FROM THE OTHER THREE IN PRONUNCIATION

Question 1, Question 2:Kiểm tra –ed và – e(s)

WRITE THE WORD THAT DIFFERS FROM THE OTHER THREE IN THE POSITION OF PRIMARY STRESS

Question 3, Question 4:

Words stressed on the first syllable	media , ballet, parents , campsite, zombie, bargain, outfit, pudding, salad, taco , vegan, Muslim , calorie, peanut , chocolate , pasta , average, football , studio, image, abseiling, bungee , circuit , purchase, playground, organize, restaurant, decorate, travel, hobby, threaten, worry, finish, confident, centre, service, safety, tennis, tower, century, challenge, capture, serious, mountain, different, visitor, ballroom,
Words stressed on the second syllable:	photography ,gymnastics, computer, guitar, collect, appeal , accept, risotto , lasagne, intolerant , location, display, Karate, exhaust, relieve, upset, athletics, container, provide, replace, success, event, example, , suggestion, astronomy, opinion, improvement,

GIVE THE CORRECT FORM OF THE WORD IN THE BRACKETS

Question 5:

Question 6:

- | | | |
|----|-------------|-----------------------------|
| 1) | Act (v) | = hành động |
| | _____ (n) | = nam diễn viên |
| | _____ (n) | = nữ diễn viên |
| | _____ (n) | = nhà hoạt động |
| | _____ (n) | = hoạt động |
| | _____ (n) | = tình trạng không vận động |
| | _____ (adj) | = tích cực |
| | _____ (adj) | = không hoạt động |
| | _____ (adv) | = một cách tích cực |
| 2) | _____ (v) | = sáng tạo |
| | _____ (n) | = sự sáng tạo |
| | _____ (n) | = tính sáng tạo |
| | _____ (adj) | = sáng tạo |
| | _____ (adv) | = sáng tạo |
| 3) | _____ (v) | = khác |
| | _____ (n) | = sự khác nhau |
| | _____ (adj) | = khác nhau |
| | _____ (adv) | = khác nhau |
| 4) | _____ (v) | = tưởng tượng |
| | _____ (n) | = trí tưởng tượng |
| | _____ (adj) | = ảo, không có thực |
| | _____ (adj) | = giàu trí tưởng tượng |
| | _____ (adj) | = có thể tưởng tượng ra |
| | _____ (adv) | = giàu trí tưởng tượng |
| | _____ (adv) | = có thể tưởng tượng ra |
| 5) | _____ (v) | = thành công |
| | _____ (n) | = thành công |
| | _____ (adj) | = thành công |
| | _____ (adj) | = không thành công |
| | _____ (adv) | = thành công |
| | _____ (adv) | = không thành công |

FILL THE BLANK WITH A SUITABLE WORD OR PHRASE

BÀI TẬP ÔN KIỂM TRA KHỐI 11 (18 -11` - 2024)

Question 7, Question 8

PREPOSITIONS & PHRASAL VERBS

- 1) To hang _____ with sb = đi chơi với ai
- 2) To fill sth _____ sth = làm đầy
- 3) To walk out _____ sb = rời bỏ ai
- 4) To replace sb / sth _____ sb / sth = thay thế
- 5) To get _____ sth = to begin to be involved in sth
- 6) Be suitable _____ sth / sb = phù hợp
- 7) To go _____ = to happen
- 8) To ask sb _____ sth = xin

COLLOCATIONS

- 1) To do ballet = múa ballet
- 2) To do drama = diễn kịch
- 3) To do gymnastics = tập thể dục
- 4) To do weights = tập tạ
- 5) To do photography: = chụp ảnh
- 6) To do martial arts = tập võ thuật
- 7) To play cards = chơi bài
- 8) To play chess = chơi cờ
- 9) To play basketball = chơi bóng rổ
- 10) To play board games = chơi trò chơi trên bàn
- 11) To play ice hockey = chơi khúc côn cầu trên băng
- 12) To play a musical instrument = chơi nhạc cụ
- 13) To go bowling: = chơi bowling
- 14) To go camping: = cắm trại
- 15) To go ballroom dancing = đi tới phòng khiêu vũ
- 16) To go cycling = đạp xe
- 17) To go shopping = đi mua sắm
- 18) To go skateboarding = đi trượt ván
- 19) To go rollerblading = đi trượt patin
- 20) To go running = chạy bộ

GIVE THE CORRECT TENSE OF THE VERB IN THE BRACKETS USING PAST SIMPLE, PAST PERFECT, PRESENT PERFECT AND PRESENT PERFECT CONTINUOUS.

. Question 9, Question 10, Question 11

FILL IN EACH BLANK WITH WORDS IN THE BOX. THERE ARE 4 WORDS WHICH YOU DO NOT NEED TO USE. USE EACH WORD OR PHRASE ONLY ONCE.

Question 12, Question 13: / Question 14, Question 15:

Sử dụng những từ sau đây

- 1) Social media (n)
- 2) Marital arts (n)
- 3) Weight (n)
- 4) Photography (n)
- 5) Campsite (n)
- 6) Zombie
- 7) Bargain
- 8) Memorabilia (n)
- 9) Flood light (n)
- 10) Football pitch (n)
- 11) Mountain range (n)
- 12) Tennis court (n)
- 13) Safety net (n)
- 14) Sea shore (n)
- 15) Tower block (n)
- 16) Athletics (n)
- 17) Course (n)
- 18) Ring (n)
- 19) Studio (n)

BÀI TẬP ÔN KIỂM TRA KHỐI 11 (18 -11` - 2024)

- 20) Track (n)
- 21) Lane (n)
- 22) Location (n)
- 23) Gift (n)
- 24) Similarity (n)
- 25) Image (n)
- 26) Parkour (n)
- 27) Astronomy (n)
- 28) Playground (n)
- 29) performance (n)
- 30) stall (n)

Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first sentence. Use the word given and other words to complete each sentence. You must not use more than five words. Do not change the word given.

PRESENT PERFECT CONTINUOUS, PAST PERFECT

Question 16

Question 17:

Question 18

USE THE SUGGESTED WORDS TO MAKE MEANINGFUL SENTENCES

Tenses /modal verbs

Question 19: / Question 20

BÀI TẬP ÔN KIỂM TRA KHỐI 11 (18 -11`- 2024)

I) CHOOSE THE WORD WHOSE UNDERLINED PART DIFFERS FROM THE OTHER THREE IN PRONUNCIATION

/ Id /	t,d
/t/	p, k, f, ph, gh, ss, ce, sh, ch, x
/d /	Còn lại (b,l,m,n, s, r, v,..) Chú ý gh (weighed, ploughed)

- | | | | |
|------------------|--------------|----------------|---------------|
| 1) A. discussed | B. enclosed | C. advanced | D. finished |
| 2) A. loved | B. liked | C. stopped | D. fixed |
| 3) A. concerned | B. attracted | C. declared | D. believed |
| 4) A. determined | B. disagreed | C. disapproved | D. sacrificed |
| 5) A. confided | B. suggested | C. believed | D. admitted |
| 6) A. kissed | B. wrapped | C. changed | D. chanced |
| 7) A. turned | B. tried | C. reached | D. climbed |
| 8) A. jumped | B. missed | C. washed | D. waved |

S / ES	
/ s /	P, k, t, f, gh, ph Chú ý IC (mechanics, phonetics)
/Iz/	S, ss, z, ce, x, ge, sh, ch
/z /	Còn lại (b, d, l,m, n , r, v,y, i) Chú ý gh (weighs, ploughs)

- | | | | |
|--------------------|------------|------------|--------------|
| 9) A. helps | B. laughs | C. works | D. hangs |
| 10) A. classes | B. rides | C. kisses | D. churches |
| 11) A. waterfalls | B. valleys | C. deserts | D. mountains |
| 12) A. catches | B. tries | C. shines | D. lives |
| 13) A. cliffs | B. rocks | C. streams | D. lakes |
| 14) A. backgrounds | B. valleys | C. deserts | D. mountains |
| 15) A. offers | B. designs | C. behaves | D. visits |

II) WRITE THE WORD THAT DIFFERS FROM THE OTHER THREE IN THE POSITION OF PRIMARY STRESS

Words stressed on the first syllable	media , ballet, parents, campsite, zombie, bargain, outfit, pudding, salad, taco , vegan, Muslim , calorie, peanut , chocolate , pasta , average, football , studio, image, abseiling, bungee , circuit , purchase, playground, organize, restaurant, decorate, travel, hobby, threaten, worry, finish, confident, centre, service, safety, tennis, tower, century, challenge, capture, serious, mountain, different, visitor, ballroom,
Words stressed on the second syllable:	photography ,gymnastics, computer, guitar, collect, appeal , accept, risotto , lasagne, intolerant , location, display, karate, exhaust, relieve, upset, athletics, container, provide, replace, success, event, example, , suggestion, astronomy, opinion, improvement,

- | | | | |
|-------------------|---------------|----------------|---------------|
| 1) A. pasta | B. guitar | C. football | D. mountain |
| 2) A. computer | B. restaurant | C. calorie | D. visitor |
| 3) A. replace | B. exhaust | C. worry | D. appeal |
| 4) A. playground | B. travel | C. outfit | D. event |
| 5) A. success | B. tennis | C. challenge | D. vegan |
| 6) A. improvement | B. example | C. century | d. gymnastics |
| 7) A. opinion | B. astronomy | C. photography | D. confident |
| 8) A. container | B. studio | C. suggestion | D. karate |
| 9) A. image | B. lasagne | C. display | D. event |
| 10) A. confident | B. serious | C. risotto | D. different |

III) GIVE THE CORRECT FORM OF THE WORD IN THE BRACKETS

BÀI TẬP ÔN KIỂM TRA KHỐI 11 (18 -11` - 2024)

- 1) She's the highest-paid _____ in Hollywood. (act)
- 2) It's bad for your health to be physically _____ (act)
- 3) I've been _____ looking for a job for six months. (active)
- 4) There was a lot of _____ in preparation for the Queen's visit. (act)
- 5) He's been a trade union _____ for many years.
- 6) Hollywood's favourite _____ was modest about his latest triumph.
- 7) Don't suddenly take up violent exercise after years of _____ (act)
- 8) Although he's quite old he's still very _____ (act)
- 9) The plan should result in the _____ of 2000 new jobs. (create)
- 10) We're looking for young people with _____ (create)
- 11) She's very _____; she writes and paints. (create)
- 12) Teachers have to teach students to think _____ (create)
- 13) There is a tremendous _____ between them. (differ)
- 14) There are substantial _____ between the two groups. (differ)
- 15) French cheeses are exported to many _____ countries. (differ)
- 16) There are no significant _____ between the education systems of the two countries (differ)
- 17) Emily is very/completely/entirely _____ from her sister. (differ)
- 18) Boys and girls may behave _____. (differ)
- 19) The new policies appear to have caught the _____ of the public. (imagine)
- 20) As a child I had an _____ friend called Polly. (imagine)
- 21) If she can make up stories, she is certainly a very _____ girl. (imagine)
- 22) The room was decorated very _____ (imagine)
- 23) I regret to inform you that your application was _____ (success)
- 24) This arrangement has operated _____ for the past six years. (succeed)
- 25) Although his flight lasted only 108 minutes, its _____ made him a national hero. (succeed)
- 26) They were _____ in winning the contract. (succeed)

IV) FILL THE BLANK WITH A SUITABLE WORD OR PHRASE

- 1) We'd hang _____ with him all the time.
- 2) He filled the bottle _____ wine.
- 3) She suddenly walked out _____ her husband, leaving him to bring up the children.
- 4) They replaced the permanent staff _____ part-timers.
- 5) My parents were always terrified of getting _____ debt.
- 6) The house is not really suitable _____ a large family.
- 7) I don't know what's going _____
- 8) He repeatedly asked Bailey _____ the report.
- 9) We don't _____ gymnastics at school.
- 10) Ricky and his robot grow tired of playing hide-and-seek, so they decide to _____ skateboarding
- 11) We spent an enjoyable evening _____ cards.
- 12) The boys _____ camping in Greece last year.

BÀI TẬP ÔN KIỂM TRA KHỐI 11 (18 -11` - 2024)

- 13) She _____ ballet every day.
- 14) When I arrived, they were _____ board games.
- 15) When I was young, I used to _____ martial arts
- 16) Fran _____ ballroom dancing last night.
- 17) He is _____ the Piano in the living room.
- 18) When I got tired of watching the bow or reading or _____ chess, I would often watch Morris at work.
- 19) He likes _____ cycling
- 20) What time do you want to _____ bowling?

V) GIVE THE CORRECT TENSE OF THE VERB IN THE BRACKETS USING PAST SIMPLE, PAST PERFECT, PRESENT PERFECT AND PRESENT PERFECT CONTINUOUS.

TENSE	USES
Past simple (quá khứ đơn) Active: S + V +ed/ v 2 S + didn't + V Did + S + V?	hành động xảy ra và hoàn thành trong quá khứ :: <i>yesterday, last night (week / month / year ...), three weeks ago</i>
Past perfect (quá khứ hoàn thành) Active : S+ had +p.p	1 hành động xảy ra trong quá khứ và chấm dứt trước 1 hành động khác.
Present perfect (hiện tại hoàn thành) Active S + have + pp Has S + haven't / hasn't + P.P Have / Has + S + P.P	a) Hành động xảy ra trong quá khứ không xác định rõ thời gian. – Nó được dùng với các trạng từ sau đây: <i>ever?</i> (có bao giờ), <i>never</i> (chưa bao giờ), <i>yet (?)</i> (chưa), <i>not... yet</i> (chưa), <i>before</i> (trước đây), <i>lately= recently</i> (mới đây), <i>just</i> (vừa mới), <i>already</i> (rồi) b) Hành động bắt đầu trong quá khứ tiếp tục đến hiện tại. – Nó được dùng với: <i>for</i> + khoảng thời gian, <i>since</i> + mốc thời gian, <i>so far</i> (cho đến nay)
Present perfect continuous (hiện tại hoàn thành tiếp diễn) Active S + have + been + V+ING Has	Hành động xảy ra trong quá khứ tiếp tục đến hiện tại nhấn mạnh tính liên tục – I've been working here for five years. – He's been learning English since 1990. – She's been typing letters all day.
PRESENT PERFECT	PAST SIMPLE
Hành động bắt đầu trong quá khứ tiếp tục đến hiện tại. – We have lived there for 5 years (and we still live here now)	Hành động xảy ra và chấm dứt trong quá khứ. – We lived there for 5 years (We don't live there any more)

PRESENT PERFECT CONTINUOUS	PRESENT PERFECT
1) Nhấn mạnh hành động xảy ra liên tục qua một khoảng thời gian. Hành động có thể chấm dứt hoặc chưa chấm dứt – We've been touring Scotland. – I've been writing an essay. I'm tired now. 2) Nói về how long (bao lâu) – Rachel has been playing music <u>all day</u> . – I've been ironing shirts since 10:30	1) Nhấn mạnh hành động đã chấm dứt nhưng có kết quả ở hiện tại – We've finished our tour of Scotland. – I've written an essay. I can hand it in now. 2) Nói về how many / how much (bao nhiêu) – Rachel has played at least twenty CDs – I've ironed eight shirts. – How many driving lessons have you

BÀI TẬP ÔN KIỂM TRA KHỐI 11 (18 -11` - 2024)

How long have you been learning to drive?	had? 3) Nói về <i>how long</i> (bao lâu) đối với động từ không được dùng thì tiếp diễn How long have you known him?
---	---

- 1) I (finish) _____ reading the book yesterday.
- 2) I (not receive) _____ your email yet.
- 3) I (not receive) _____ your email last week.
- 4) She paid for her ticket and (leave) _____
- 5) I (just finish) _____ reading the book
- 6) The rain started two hours ago. It's still raining now. It (rain) _____ for 2 hours.
- 7) When I went back to the shop, they (sell) _____ the book I (want) _____
- 8) I didn't watch the film because I (see) _____ it before.
- 9) After Alice had done the shopping, she (pick) _____ her children up from school.
- 10) When I found my wallet, I discovered somebody (take) _____ the credit cards out of it.
- 11) He (lose) _____ his keys, so now he cannot get into his house.
- 12) He (play) _____ soccer every weekend since he was a child.
- 13) They (watch) _____ movies all day. They need to take a break!
- 14) He (not finish) _____ reading the report yet, but he (read) _____ it for three hours.
- 15) Mary (write) _____ ten letters today. She (write) _____ letters all day.
- 16) They (play) _____ tennis since 2 o'clock. They (play) _____ tennis three times this week.
- 17) He (not finish) _____ reading the report yet, but he (read) _____ it for three hours.
- 18) Lucy (run) _____ 2000 metres today.
- 19) Julie (cook) _____ dinner. Let's go and eat.
- 20) I have a dog. I (have) _____ it for 3 years.
- 21) The telephone (ring) _____ for almost a minute. Why hasn't someone answered it?
- 22) It (rain) _____ for 3 hours. I wish it would stop soon.
- 23) He (speak) _____ for an hour now. I expect he'll soon be finished.
- 24) A: What did you do this weekend?
B: I (clean) _____ the garage all day yesterday.
- 25) They (not eat) _____ anything since breakfast. Let's grab some lunch!

VI) FILL IN EACH BLANK WITH WORDS IN THE BOX. THERE ARE 4 WORDS WHICH YOU DO NOT NEED TO USE.

ballet	campsites	vegan	floodlights.
photography	parkour	tennis court	track

- 1) She has taken the step to cut all animal products from her diet by becoming a _____
- 2) The waterfall was lit up at night with pink and green _____.
- 3) Photography is strictly forbidden in the cathedral.

BÀI TẬP ÔN KIỂM TRA KHỐI 11 (18 -11` - 2024)

4) She's as quick as lightning on the _____

ballet	campsites	vegan	floodlights.
photography	parkour	tennis court	track

- 1) The hikers followed the narrow _____ through the dense forest.
- 2) I managed to get some seats for the _____.
- 3) _____ in the New Forest quickly filled up as thousands decided to spend the holiday under canvas.
- 4) She plays rugby and does _____, a sport in which participants vault and jump from walls and buildings

lane	gift	similarity	image
Astronomy	playground	performance	stall

- 1) Her passion for _____ led her to study the stars and planets at a renowned observatory.
- 2) The narrow _____ was lined with beautiful trees, making it a perfect spot for a walk.
- 3) She received a thoughtful _____ for her birthday, a handmade necklace from her best friend.
- 4) The ballet _____ was captivating, showcasing the dancers' grace and skill on stage.

lane	gift	similarity	image
Astronomy	playground	performance	stall

- 1) The farmers' market featured a _____ selling fresh produce, homemade jams, and artisanal bread.
- 2) There is a striking _____ between the two paintings, both featuring vibrant colors and abstract shapes.
- 3) The children laughed and played in the _____, enjoying the swings and slides on a sunny afternoon.
- 4) The _____ of the sunset was so breathtaking that I had to capture it on my camera.

VII) COMPLETE THE SECOND SENTENCE SO THAT IT HAS A SIMILAR MEANING TO THE FIRST SENTENCE. USE THE WORD GIVEN AND OTHER WORDS TO COMPLETE EACH SENTENCE. YOU MUST NOT USE MORE THAN FIVE WORDS. DO NOT CHANGE THE WORD GIVEN.

SPECULATING & PREDICTION

1	It is possible / likely that + S + WILL + VERB Perhaps / Maybe + S + WILL + VERB I think (that) + S + WILL + VERB	S + MAY / MIGHT / COULD + VERB S+ WILL PROBABLY + VERB
2	It is unlikely that + S + WILL + VERB I don't think / I doubt (that) + S + WILL + VERB	S+ MAY/ MIGHT + NOT + V S+ PROBABLY + WON'T + VERB
3	I am sure / certain + that + S + V +WILL + VERB I am sure / certain + that + S + V +WON'T + VERB	S + WILL DEFINITELY + VERB S+ DEFINITELY + WON'T + VERB

- 1) Perhaps we won't go on holiday next year. (MAY)
We _____ next year
- 2) It is likely that the restaurant will close. (THINK)
I think (that) _____.
- 3) It is unlikely that he will attend the meeting. (PROBABLY)
He _____ the meeting.
- 4) Peter might not pass his final test next week (DOUBT)
I _____ his final test next week

BÀI TẬP ÔN KIỂM TRA KHỐI 11 (18 -11` - 2024)

- 5) They may come by car. (LIKELY)
It is _____ by car
- 6) They might win the championship this year. (PROBABLY)
They _____ this year.
- 7) Scientists might discover a new cure for cancer. (MAYBE)
_____ a new cure for cancer.
- 8) Cities may limit the number of cars people can have within the city. (POSSIBLE)
It is _____ the number of cars people can have within the city
- 9) Electric cars will probably become more common than gas-powered cars by 2030 (THINK)
I _____ more common than gas-powered cars by 2015
- 10) I think students will connect to the internet using artificial intelligence, so they won't need to remember facts anymore. (MAY)
Students _____ using artificial intelligence, so they won't need to remember facts anymore

1	Subject + began / started + V+ING / To –INFINITIVE ... KHOẢNG THỜI GIAN + AGO
2	Subject + have / has + been + V+ING + FOR + KHOẢNG THỜI GIAN

- 11) It started to rain 4 hours ago and it hasn't stopped yet (BEEN)
It _____ 4 hours.
- 12) He started writing novels 40 years ago. (BEEN)
He _____ 40 years.
- 13) They started living in London 5 months ago. (BEEN)
They _____ for 5 months.
- 14) The telephone started ringing a few minutes ago. (BEEN)
The telephone _____ a few minutes. (BEEN)
- 15) He began speaking an hour ago. (BEEN)
He _____ an hour.

1	Subject + began / started + V+ING / To –INFINITIVE ... AT / ON / IN + MỐC THỜI GIAN
2	Subject + have / has + been + V+ING + SINCE + + MỐC THỜI GIAN

- 16) They started talking to each other at 2:30 and they haven't stopped talking yet. ((BEEN)
They _____ each other since 2:30
- 17) Ben and Mark began working at 6 o'clock and they haven't finished yet. (BEEN)
Ben and Mark _____ 6 o'clock
- 18) They started working this morning and they are still working. (BEEN)
They _____ this morning
- 19) He started sleeping at ten o'clock. (BEEN)
He _____ ten o'clock
- 20) The boys began playing / to play football at 2 o'clock. (BEEN)
The boys _____ 2 o'clock

VIII) USE THE SUGGESTED WORDS TO MAKE MEANINGFUL SENTENCES

- 1) He / probably / go / Scotland / next month.

- 2) I'm sure / we / work from home / future

- 3) I doubt / he / win / competition.

- 4) By the time you arrived at the party / everyone / go home.

- 5) He / not definitely / play / ice hockey / tomorrow.

- 6) We / play / cards / hours, and it's still not over!

BÀI TẬP ÔN KIỂM TRA KHỐI 11 (18 -11` - 2024)

- 7) By the time the exhibition opened, she do / photography / several years.

- 8) She / walk/ out / him in the middle of their argument, realizing she needed time to reflect.

- 9) After the old manager left, they / replace/ him / a more experienced candidate

- 10) The team / play/ ice hockey / in three tournaments / this year.
